

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 11 - 2018

Về tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH,
TỈNH TÂY NINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Trang**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Thanh Phong**;

2. Ông **Trần Thế Phong**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 607/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm 1982; địa chỉ: Số A1, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Tôn Thất T**, sinh năm 1982; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A2, Khu phố X, thị trấn Y, huyện D, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ nơi cư trú: Số AAA, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20 tháng 8 năm 2018 của chị Nguyễn Thị Thùy D và các lời khai của chị D trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Chị và anh Tôn Thất T chung sống vợ chồng từ năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 22/3/2010 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Anh, chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T bắt đầu sử dụng ma túy, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con và có hành vi quậy phá, đánh đập, đe dọa tính mạng của mẹ con chị. Vì sợ anh T sẽ hành hung nên tháng 6/2018 chị đưa con đi nơi khác sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 người con tên Tôn Gia H, sinh ngày 23/4/2012, hiện đang sống chung với chị D. Nếu vợ chồng ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị D trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không có ai khác nợ lại vợ chồng chị.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của anh Tôn Thất T ngày 26/10/2018 thể hiện:

Anh T thống nhất lời trình bày của chị D về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, về con chung và nợ chung là đúng. Anh và chị D sống chung đến khoảng cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh bắt đầu sử dụng ma túy, thường xuyên uống rượu, không quan tâm, chăm sóc vợ con, chị D không bằng lòng nên bỏ nhà đi khoảng 06 tháng nay. Sau khi chị D bỏ đi anh đã nhiều lần tìm gặp và kêu chị D quay về nhà nhưng chị D không đồng ý. Đến ngày 16/10/2018 thì anh được đưa vào Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tây Ninh để cắt con, giải độc trong thời gian chờ làm thủ tục đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Nay anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D vì anh còn thương vợ, thương con và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được đoàn tụ. Anh T cam kết sau khi chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc xong anh sẽ tu chí làm ăn, lo cho vợ con và không sử dụng ma túy nữa.

Nếu trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh T đồng ý giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con vì không có khả năng.

Trong thời gian chung sống anh và chị D có xây một căn nhà phía sau căn nhà của ba vợ, tọa lạc tại ấp Long Tân, xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh trị giá khoảng 20.000.000 đồng. Anh T và chị D không có tranh chấp về căn nhà này nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Chị D, anh T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh T là có căn cứ theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy D. Về con chung, hiện cháu H đang sống với chị D vì vậy, căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu H cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị ghi nhận.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Tôn Thất T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh T theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Tôn Thất T chung sống vợ chồng năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị D cho rằng vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Anh T cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2017 và sống ly thân khoảng 06 tháng nay. Mặc dù anh, chị không thống nhất về thời gian phát sinh mâu thuẫn và thời gian sống ly thân nhưng chị D và anh T đều thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu và sử dụng ma túy, không quan tâm, chăm sóc vợ con và có hành vi đánh đập chị D dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và phải sống ly thân. Nay chị D cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh T, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp thuyết phục để vợ chồng hàn gắn tình cảm, bản thân anh T đã nghiện ma túy, không thể tự cai nghiện được và hiện đang chờ làm thủ tục đưa đi cai

nghiện bất buộc. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị D và anh T không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D và anh T chung sống có 01 con chung tên Tôn Gia H, sinh ngày 23/4/2012. Cháu H hiện đang sống chung với chị D, khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Qua lấy ý kiến của anh T thì nếu trường hợp vợ chồng ly hôn anh T cũng đồng ý giao cháu H cho chị D nuôi dưỡng, vì vậy cần giao cháu H cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị D, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về nợ chung: Chị D, anh T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy D đối với anh Tôn Thất T.

Chị Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với anh Tôn Thất T.

2. Về con chung: Giao cháu Tôn Gia H, sinh ngày 23/4/2012 cho chị Nguyễn Thị Thùy D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị D, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị D, anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012408 ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị D đã nộp xong tiền án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- UBND xã C, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Phạm Thị Thùy Trang